TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2026/HS-ST
Ngày: 27-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đồng Thanh Bình

Bà Trần Thị Mộng Thu

- Thư ký phiên tòa: ông Đỗ Đức Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Đình Tuyên - Kiểm sát viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Trương Văn T - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 57/2026/TLST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2026/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Trần Chí T1, sinh ngày 13/10/1987, số CCCD: 091087007219, tại Kiên Giang; nơi thường trú: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là xã T, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị N; có 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 03/01/2025 sau đó tạm giam đến nay (hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Bố Lá – cơ sở 1); (có mặt)

2. Đoàn Thị N1, sinh ngày 24/02/2004, số CCCD: 091304003497, tại Kiên Giang; nơi thường trú: ấp M, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (nay là phường V, tỉnh An Giang); chỗ ở hiện nay: phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Long H và bà Lê Thị T2; có chồng là Đỗ Văn V, có 02 con (lớn sinh năm 2021, nhỏ sinh năm 2025); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt quả tang ngày 03/01/2025 đến ngày 04/01/2025 được trả tự do, bị cáo tại

ngoại cho đến nay; (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo T1: bà Lê Thị N2 – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo N1: bà Huỳnh Phi Y – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ, ngày 03/01/2025, Công an phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương kiểm tra hành chính phòng số 206 nhà nghỉ L1 thuộc khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) do Trần Chí T1 và Đoàn Thị N1 thuê nghỉ. Cơ quan Công an phát hiện 01 bao thuốc lá hiệu Jet Việt để trên bàn, bên trong có 02 gói nylon miệng hàn kín, chứa tinh thể (kết quả giám định là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 1,8842 gam), 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá và 01 cân tiểu ly, N1 khai nhận số ma túy của Trần Chí T1 đưa cho N1 cất giữ để bán cho các con nghiện.

Cùng lúc này, Trần Chí T1 điều khiển xe mô tô biển số 69N1-264.29 về nhà nghỉ thì bị lực lượng Công an kiểm tra thu giữ trong túi áo khoác bên trái của T1 02 bao thuốc lá hiệu Jet gồm: 01 bao chứa 03 gói nylon miệng kéo dính, bên trong chứa tinh thể màu trắng và 01 bao chứa 02 gói nylon miệng kéo dính, trong đó 01 gói chứa tinh thể màu trắng và 01 gói chứa 02 gói nylon miệng hàn kín, bên trong chứa tinh thể màu trắng (kết quả giám định các gói trên là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 60,7264 gam). T1 khai nhận số ma túy này T1 mua của đối tượng có tài khoản Zalo tên "Thay Doi" (không rõ họ tên, địa chỉ) để sử dụng và bán cho các con nghiện để kiếm lời.

Kết quả điều tra xác định: Trần Chí T1 là đối tượng nghiện ma túy, bắt đầu mua bán trái phép chất ma túy từ khoảng giữa tháng 10/2024 để có tiền tiêu xài và sử dụng ma túy. Đoàn Thị N1 có mối quan hệ tình cảm với T1. Trước khi bị bắt khoảng 01 tuần, N1 đến phòng 206, nhà nghỉ Loan T3 ở cùng T1 để phụ giúp T1 bán ma túy và được T1 cung cấp ma túy cho sử dụng cùng chi phí sinh hoạt. Ngày 02/01/2025, T1 liên lạc qua tài khoản Zalo để mua ma túy của đối tượng có tài khoản Z tên "Thay Doi" (không rõ họ tên, địa chỉ) với giá 8.000.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T1 đem về phòng 206 nhà nghỉ Loan T3 và để một phần trên bàn cho N1 bán cho người mua, phần còn lại T1 cất trong túi áo khoác và bị phát hiện như đã nêu trên.

Khi có người liên hệ hỏi mua ma túy qua tài khoản Zalo của T1 tên "Ty Ty T4" hoặc tài khoản Zalo tên "Bé N3" của N1 thì T1 hoặc N1 sẽ đi giao ma túy cho người mua. T1 và N1 đã bán ma túy cho khoảng 20 đến 30 người (không rõ họ tên, địa chỉ) tại khu vực gần nhà nghỉ L1 và nhận thanh toán bằng tiền mặt. Lần gần nhất vào ngày 03/01/2025, có 02 người liên hệ với T1 mua ma túy mỗi người từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng và trả tiền trực tiếp cho T1. Sau đó, T1

yêu cầu N1 đem ma túy đến gần nhà nghỉ L1 giao cho người mua 02 lần. Quá trình mua bán ma túy, T1 thu lợi bất chính khoảng 10.000.000 đồng và đã tiêu xài hết.

Ngoài ra, trong thời gian T1 và N1 sống tại phòng 206, T1 cung cấp ma túy và dụng cụ cho N1 sử dụng 04 lần, cụ thể: Sáng ngày 28 và 29/12/2024, N1 hỏi xin ma túy của T1 sử dụng, T1 đồng ý. Nở lấy ma túy của T1 bỏ vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy, sử dụng một mình. Đến ngày 02/01/2025, N1 tiếp tục hỏi xin ma túy của T1 sử dụng và lấy ma túy của T1 bỏ vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy rồi sử dụng một mình. Sáng 03/01/2025, T1 lấy ma túy bỏ vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy rồi đốt ma túy cho T1 và N1 sử dụng. Kết quả xét nghiệm: Đoàn Thị N1 dương tính với M, A. Sau khi sử dụng ma túy xong, T1 bỏ số ma túy mua ngày 02/01/2025 vào túi áo khoác mặc trên người và điều khiển xe mô tô biển số 69N1-264.29 đi ra ngoài, còn N1 ở lại phòng cho đến khi bị Công an phát hiện, bắt giữ.

Căn cứ Kết luận giám định số 343 ngày 10/01/2025 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: Tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng 0,2162 gam (M1-1), 1,6680 gam (M1), 24,9464 gam (M2), 30,2483 gam (M3), 0,5840 gam (M2-3a), 4,9477 gam (M2-3b).

Vật chứng thu giữ: 01 bì thư được niêm phong ghi số 343ML/MTPC09 có chữ ký Đoàn Thị N1, Nguyễn Ngọc D (bên giao mẫu), Nguyễn Trung L (bên nhận mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng K Công an tỉnh B, bên trong chứa ma túy còn lại sau giám định, khối lượng 1,6824 gam. 01 bì thư được niêm phong ghi số 343M2/MTPC09 có chữ ký Trần Chí T1, Nguyễn Ngọc D (bên giao mẫu), Nguyễn Trung L (bên nhận mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng K Công an tỉnh B, bên trong chứa ma túy còn lại sau giám định, khối lượng 60,283 gam. 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, 01 cân tiểu ly, 01 điện thoại di động hiệu Redmi note 13 Pro và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A34 của Trần Chí T1. 01 điện thoại di động hiệu Vivo V2025 của Đoàn Thị N1. 01 xe mô tô biển số 69N1-264.29 của Trần Chí T1. Chiếc xe này do bà Hữu Thị H1, sinh năm 1987, nơi thường trú: xã Đ, tỉnh Cà Mau đứng tên chủ sở hữu. Bà H1 đã bán chiếc xe trên cho người khác và không làm giấy tờ mua bán xe. T1 khai mượn chiếc xe trên của Nguyễn Ngọc D1 (không rõ địa chỉ cụ thể), Cơ quan điều tra đã đề nghị Báo Pháp luật Thành phố H đăng thông tin tìm chủ sở hữu chiếc xe trên theo quy định.

Đối với điện thoại di động T1 cài ứng dụng Z và liên lạc với người mua ma túy, do nghi ngờ lực lượng Công an theo dõi nên trên đường về phòng trọ, T1 đã đập vỡ điện thoại và vứt bỏ nên Cơ quan điều tra không thu giữ được, không trích xuất được dữ liệu liên quan đến việc mua bán trái phép chất ma túy.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng, Trần Chí T1 thu lợi trong quá trình tin mua bán trái phép chất ma túy là tiền do phạm tội mà có, cần tịch thu để nộp ngân sách Nhà nước.

Tại bản Cáo trạng số 654/CT-VKSTPHCM-P1 ngày 06 tháng 02 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Chí T1 về các tội Mua bán trái phép chất ma túy, Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo

quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251, điểm a khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Đoàn Thị N1 về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Chí T1 phạm các tội Mua bán trái phép chất ma túy, Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo Đoàn Thị N1 phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Về hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251, điểm a khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, 55, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Chí T1 mức hình phạt từ 17 năm đến 18 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, từ 07 năm đến 08 năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý. Tổng hợp hình phạt của hai tội từ 24 năm đến 26 năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đoàn Thị N1 mức hình phạt từ 12 năm đến 14 năm tù.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: tuyên tịch thu tiêu hủy: số ma túy còn lại sau giám định đựng trong 02 bì thư được niêm phong, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 cân tiểu ly, 01 điện thoại di động hiệu Vivo V2025 của Đoàn Thị N1, 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 69N1-264.29 (SK:RLCS5C6H0FY135653; SM:5C6H-135658). Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại di động hiệu Redmi note 13 Pro, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A34 của Trần Chí T1 để đảm bảo thi hành án. Buộc bị cáo Trần Chí T1 nộp lại số tiền 10.000.000đồng thu lợi bất chính để sung vào ngân sách Nhà nước.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Chí T1 trình bày tranh luận: Thống nhất về tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố đối với bị cáo Trần Chí T1 tại bản cáo trạng. Hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật có tính chất, mức độ đặc biệt nghiêm trọng. Tuy nhiênm cần đánh giá toàn diện về động cơ, mục đích và phương thức thực hiện hành vi của bị cáo. Việc mua bán của bị cáo chỉ mang tính nhỏ lẻ, phát sinh trong quá trình sử dụng ma túy, không có dấu hiệu tổ chức đường dây, phân phối chuyên nghiệp. Hành vi của bị cáo không mang tính chất cầm đầu, tổ chức hoạt động chuyên nghiệp nên mức độ nguy hiểm cho xã hội thấp hơn đáng kể so với trường hợp phạm tội có tổ chức, có tính chất đường dây trong cùng nhóm tội phạm về ma túy. Giữa bị cáo T1 và bị cáo N1 có quan hệ tình cảm, trong 04 lần cung cấp ma túy cho N1 sử dụng thực chất là việc sử dụng ma túy chung giữa những người nghiện với nhau, không có dấu hiệu lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc người khác tham gia. Bị cáo T1 không có sự phân công, điều hành, tổ chức chặt chẽ mà chỉ phục vụ nhu cầu cá nhân, có sẵn mà túy và dụng cụ rồi chia sẻ cho bị cáo N1 sử dụng. Do đó, tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi thấp hơn so với việc tổ chức sử dụng mang tính chất kinh doanh thu lợi nhuận hoặc lôi kéo người mới. Xét về tính chất mức độ hành vi của bị cáo là nghiêm trọng nhưng gây hậu quả không lớn đến các mặt của đời

sống kinh tế, trật tự xã hội và đạo đức. Bị cáo có trình độ học vấn thấp nên khả năng nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn nên dễ bị tác động bởi hoàn cảnh dẫn đến phạm tội. Bị cáo là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn, có mẹ già và con nhỏ cần được chăm sóc. Trong suốt quá trình điều tra, truy tố, bị cáo luôn có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và hợp tác điều tra là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, điểm b khoản 3 Điều 251, điểm a khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T1 mức án nhẹ để bị cáo cải tạo, sửa chữa sai phạm, có cơ hội sớm tái hòa nhập với cộng đồng để trở thành người có ích cho xã hội.

Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Thị N1 trình bày tranh luận: Thống nhất với bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Đoàn Thị N1 về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ sau đối với bị cáo: bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại thời điểm phạm tội bị cáo đang mang thai, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có thu nhập, nơi ở nên phải phụ thuộc vào bị cáo T1 để được hỗ trợ sinh hoạt, ăn ở. Bị cáo là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, n khoản 1 Điều 51, xem xét tính chất, vai trò của bị cáo để xem xét, áp dụng hình phạt nhẹ nhất đối với bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Các bị cáo thống nhất với nội dung cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát, thống nhất ý kiến của người bào chữa, không có ý kiến trong phần tranh luận. Trong phần lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái và chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Do hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện trước ngày 01/7/2025, do đó, căn cứ điểm c khoản Điều 4 Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời

khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản niêm phong, kết luận giám định cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: trong khoảng thời gian từ tháng 10/2024 đến ngày 03/01/2025 để có tiền tiêu xài và sử dụng ma túy, Trần Chí T1 đã bán ma túy cho khoảng 20 đến 30 người thu lợi số tiền 10.000.000đồng. Ngày 03/01/2025, Trần Chí T1 đang tàng trữ ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 60,7264 gam để bán thì bị bắt giữ, ngoài ra T1 còn tàng trữ ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 1,8842 gam tại phòng số 206 nhà nghỉ L1 thuộc khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) để Đoàn Thị N1 bán cho các con nghiện. Đoàn Thị N1 giúp sức cho Trần Chí T1 bán ma túy cho các con nghiện. Ngoài ra, T1 cung cấp ma túy và dụng cụ cho N1 sử dụng 04 lần. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã vi phạm chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma tuý, mà còn gây ảnh hưởng xấu tới tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Do đó, hành vi của Trần Chí T1 đã đủ yếu tố cấu thành các tội Mua bán trái phép chất ma túy, Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 3 Điều 251, điểm a khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự, hành vi của Đoàn Thị N1 đã đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Vụ án mang tính đồng phạm giản đơn cùng nhau thực hiện tội phạm, các bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, để có ma túy sử dụng, có tiền tiêu xài, bị cáo T1 đã mua ma túy để bán lại cho các con nghiện, bị cáo N1 để có ma túy sử dụng, được bị cáo T1 lo chi phí sinh hoạt, ăn ở đã hỗ trợ bị cáo T1 trong việc bán ma túy cho các con nghiện.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo N1 phạm tội khi đang mang thai nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo nhiều lần mua bán ma túy nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T1 không có nghề nghiệp, bán ma túy nhiều lần từ tháng 10/2024 đến ngày 03/01/2025 để có tiền phục vụ sinh hoạt, là nguồn sống chính thuộc trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, tại thời điểm bị cáo T1 tổ chức cho bị cáo N1 sử dụng trái phép chất ma túy thì bị cáo N1 đang mang thai (04 tháng) thuộc trường hợp phạm tội đối với phụ nữ có thai là các tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm b, i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo, nhận thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Xét tại thời điểm phạm tội, bị cáo N1 đang mang thai, không có việc làm, thu nhập nên sống phụ thuộc vào bị cáo

T1 để được lo ăn ở, sinh hoạt. Mục đích bị cáo phạm tội nhằm để duy trì cuộc sống, có vai trò không lớn. Xét mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo là phù hợp. Đối với bị cáo Trần Chí T1 bị xét xử về nhiều tội nên căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của các tội.

[7] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đối với số ma túy thu giữ của các bị cáo loại Methamphetamine là chất cấm, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá là công cụ thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 cân tiểu ly, 01 điện thoại di động hiệu Vivo V2025 của Đoàn Thị N1, 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 69N1-264.29 (SK:RLCS5C6H0FY135653; SM:5C6H-135658) là công cụ thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, đối với Trần Chí T1 bán ma túy thu được số tiền 10.000.000đồng là tiền do phạm tội mà có cần buộc bị cáo nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước. Đối với 01 điện thoại di động hiệu Redmi note 13 Pro, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A34 của Trần Chí T1 cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Chí T1 phạm các tội Mua bán trái phép chất ma túy, Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo Đoàn Thị N1 phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251, điểm a khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm b, g, i khoản 1 Điều 52, các Điều 38, 55, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt: bị cáo Trần Chí T1 17 (Mười bảy) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, 08 (T5) năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý. Tổng hợp hình phạt của hai tội bị cáo phải chấp hành là 25 (Hai mươi lăm) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/01/2025.

2.2. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251, điểm s, n khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt: bị cáo Đoàn Thị N1 12 (Mười hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03/01/2025 đến ngày 04/01/2025.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: số ma túy còn lại sau giám định chứa trong: 01 bì thư niêm phong ghi số 343M1/MTPC09 có chữ ký Đoàn Thị N1, Nguyễn Ngọc D

(bên giao mẫu), Nguyễn Trung L (bên nhận mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng K Công an tỉnh B, bên trong là ma tuý còn lại sau giám định, khối lượng 1,6824gam, 01 bì thư niêm phong ghi số 343M2/MTPC09 có chữ ký Trần Chí T1, Nguyễn Ngọc D (bên giao mẫu), Nguyễn Trung L (bên nhận mẫu) và hình dấu đỏ niệm phong của Phòng K Công an tỉnh B, bên trong là ma tuy còn lại sau giám định, khối lượng 60,283gam, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 cân tiểu ly, 01 điện thoại di động hiệu Vivo V2025 của Đoàn Thị N1, 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 69N1-264.29 (SK:RLCS5C6H0FY135653; SM:5C6H-135658).

Buộc bị cáo Trần Chí T1 nộp lại số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại di động hiệu Redmi note 13 Pro, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A34 của Trần Chí T1 để đảm bảo thi hành án.

(Thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/3/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trần Chí T1, Đoàn Thị N1 mỗi bị cáo phải chịu số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Trung

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.